

Số:957/BC-UBND
2023

Phú Tân, ngày 19 tháng 4 năm

BÁO CÁO

Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và công tác xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương

Căn cứ Công văn số 511/STTTT-KHTC ngày 18/4/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về việc đề nghị báo cáo kết quả, duy trì kết quả các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và công tác xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương. Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân báo cáo kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO VỀ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới

1.1. Công tác triển khai thực hiện

Trong năm qua ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin bám sát vào kế hoạch của Ban đạo nông thôn mới huyện và các văn bản hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông cụ thể:

Thực hiện Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Công văn số 1027/STTTT-KHTC ngày 25/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025. Hàng năm chỉ đạo các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, đặc biệt tập trung xã nằm trong lộ trình thực hiện, đồng thời rà soát các xã còn lại mức độ đạt tiêu chí cụ thể để báo cáo về Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện Sở Thông tin Truyền thông theo quy định.

1.2. Kết quả công tác duy trì, nâng chất

Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông

- Chỉ tiêu 8.1: Xã có điểm phục vụ Bưu chính:

+ Có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của tổ chức, cá nhân tại địa bàn xã.

+ Điểm Bưu điện Văn hóa xã: 13/16 (Phú Lâm, Phú An, Phú Thọ, Tân Trung, Tân Hòa, Bình Thạnh Đông, Phú Bình, Phú Hưng, Hiệp Xương, Hòa Lạc, Phú Long, Phú Thành và Phú Xuân).

+ Thùng thư Bưu chính: 16/16 xã có thùng thư Bưu chính. Thùng thư mỗi ngày mở 01 lần, hàng ngày có một tuyến thư về đến xã phục vụ nhân dân.

- Chỉ tiêu 8.2: Xã có dịch vụ viễn thông, internet:

88/88 ấp trên địa bàn các xã có cơ sở hạ tầng viễn thông (88 ấp có hạ tầng cáp treo viễn thông, trạm BTS, đáp ứng nhu cầu phát triển thuê bao sử dụng dịch vụ truy cập internet cho tổ chức, cá nhân (thuê bao ADSL, thuê bao cáp quang, thuê bao 3G, 4G).

Kết quả: 16/16 xã đạt chỉ tiêu 8.2, tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu 8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp:

Có đài truyền thanh được thiết lập đáp ứng yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong địa bàn xã có ít nhất 3/4 số ấp trong xã có hệ thống loa hoạt động. (có kết quả cụ thể).

Kết quả: 16/16 xã đạt chỉ tiêu 8.3, tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu 8.4: Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội:

+ Danh sách CBCC của xã hoặc bảng chi trả lương cho CBCC của xã.

+ 16/16 xã đều có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

+ Hệ số máy tính của cán bộ công chức đang hoạt động điều đạt từ 80% trở lên trên tổng số cán bộ công chức.

+ Máy tính của cơ quan: Đảng ủy, HĐND&UBND các xã đều truy cập internet và thực hiện việc nhận và gửi văn bản chỉ đạo, điều hành; có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin đầy đủ.

+ 16/16 xã đều thực hiện thống kê số lượng văn bản đi, đến được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm. Cụ thể

STT	Đơn vị	Năm công nhận	Tiêu chí				Nâng chất	Phụ ghi
			8.1	8.2	8.3	8.4		
01	Xã Tân Hòa	2015	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
02	Xã Phú Bình	2016	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
03	Xã Phú Lâm	2017	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
04	Xã Hiệp Xương	2018	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
05	Xã Bình T Đông	2019	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
06	Xã Phú Hưng	2019	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
07	Xã Phú Thạnh	2019	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
08	Xã Phú Thọ	2021	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	

1.3. Kết quả xây dựng nông thôn mới tại các xã trong lộ trình năm 2023

Trong năm 2023 đơn vị Phú Tân có 01 xã Tân Trung trong lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, kết quả:

Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

a) Về cơ sở vật chất:

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương: **Tận dụng Bưu điện huyện dùng cho hoạt động bưu điện xã Tân Trung, đặt tại ấp Trung Hòa, xã Tân Trung, huyện Phú Tân.**

- Có treo biển tên điểm phục vụ: **Có.**

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ: **Có.**

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc: **Đảm bảo.**

b) Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg: **Đảm bảo.**

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg: **Đảm bảo.**

- **Đánh giá: Đạt.**

Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet

a) Tất cả các ấp trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet: băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất: **05/05 ấp.**

b) Dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành: **Đáp ứng.**

Đánh giá: Đạt.

3.3. Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp

a) Có Đài Truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp địa phương có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông (CNTT-VT) phải đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020: **Hữu tuyến.**

b) Có ít nhất 2/3 số ấp trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên: **05/05 ấp.**

Đánh giá: Đạt.

Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã (tối thiểu 50%): **20 máy tính/20 CBCC, đạt 100%.**

b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành: **Có.**

- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước: **Có**.
 - Hệ thống một cửa điện tử: **Có**.
 - Công/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: **Có**.
- c) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã (tối thiểu 30%): $373/416 = 89,66\%$.

2. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

2.1. Công tác triển khai thực hiện

Triển khai Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Công văn số 1027/STTTT-KHTC ngày 25/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

2.2. Kết quả công tác duy trì, nâng chất

Hiện tại trên địa bàn huyện 02 đơn vị được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm: Xã Phú Bình năm 2020, xã Phú Lâm năm 2022.

Tiêu chí 8. Thông tin và Truyền thông

Chỉ tiêu 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

- a) Có trang bị máy tính, kết nối mạng internet tại điểm phục vụ: **Có**.
- b) Có bố trí nhân sự (bưu điện/một cửa) hướng dẫn người dân đăng ký/sử dụng dịch vụ công trực tuyến/dịch vụ bưu chính công ích: **Có**.

Đánh giá: Đạt 02/02 xã.

Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (năm 2023, tối thiểu đạt 55%)

- Tổng số dân trong độ tuổi lao động:
 - + Xã Phú Bình: **5.366 người**
 - + Xã Phú Lâm: **6.181 người**.
- Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh do doanh nghiệp viễn thông cung cấp:
 - + Xã Phú Bình: **4.676 thuê bao, tỷ lệ 87,14%**.
 - + Xã Phú Lâm: **5.891 thuê bao, tỷ lệ 95,31%**.

Đánh giá: Đạt 02/02 xã

Chỉ tiêu 8.3. Xã có dịch vụ báo chí, truyền thông

- a) 100% ấp của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 90% ấp của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên:

- **Xã Phú Bình: 04/04 ấp có hệ thống loa hoạt động thường xuyên, đạt 100%.**

- **Xã Phú Lâm: 06/06 ấp có hệ thống loa hoạt động thường xuyên, đạt 100%.**

b) 100% số ấp trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet: **100%.**

c) Có ít nhất 01 điểm/cửa hàng/hộ cung cấp xuất bản phẩm:

- Xã Phú Bình: **04 điểm.**

- Xã Phú Lâm: **Có 03 điểm.**

Đánh giá: Đạt 02/02 xã.

Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã (tối thiểu 50%): $2.134/2.818 = 75,73\%$.

b) Tỷ lệ CBCC xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: $20/20 = 100\%$.

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt.

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử:

đ) Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

Đánh giá: Đạt 02/02 xã.

Chỉ tiêu 8.5. Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

- Các điểm công cộng của xã đều được kết nối mạng wifi, đường truyền ổn định, đảm bảo người dân đều được tiếp cận thuận lợi, dễ dàng: **Có.**

- Mạng wifi phải do doanh nghiệp/đại lý dịch vụ viễn thông được cơ quan chức năng cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của Luật Viễn thông: **Đảm bảo.**

3. Đánh giá: Đạt 02/02 xã

Tiêu chí 15. Hành chính công

Chỉ tiêu 15.1. Xã ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

a) Quy trình tiếp nhận và xử lý TTHC được thực hiện trên môi trường mạng: **Có.**

b) Kết quả giải quyết TTHC được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông: **Có.**

c) Có tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI đạt theo quy định: **Có**

Đánh giá: Đạt 02/02 xã

Chỉ tiêu 15.2. Xã có dịch vụ công trực tuyến toàn trình

a) Xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Danh mục được quy định của UBND tỉnh An Giang, đang còn hiệu lực thi hành tại thời điểm công nhận: **Có**.

b) Dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ theo quy định: **Có**.

Đánh giá: Đạt 02/02 xã

Chỉ tiêu 15.3. Xã giải quyết các TTHC đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

a) Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐCP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính: **Đạt**

b) 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ: **Đạt**.

c) Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030: **Đạt**

d) Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những

nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo: **Đạt**.

đ) Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên: **Đạt**.

e) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

Đánh giá: Đạt.

3. Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao tại các xã trong lộ trình năm 2023: Không

3.1. Khó khăn, vướng mắc: Không

4. Đề xuất, kiến nghị

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Thực hiện Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân xây dựng Kế hoạch số 4335/KH-UBND ngày 31/12/2021 về triển khai thực hiện Chuyển đổi số huyện Phú Tân giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Ban hành Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 về phê duyệt Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số huyện Phú Tân năm 2022.

Ban hành Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 về thành lập “Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Phú Tân”; Quyết định số 71/QĐ-BCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Phú Tân.

18 xã, thị trấn và 88 ấp đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng đạt 100%.

Ban hành Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 23/02/2023 về việc triển khai Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Huyện đã ban hành Công văn số 49/UBND-VP về triển khai thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh AG. Qua đó, giao

phòng Văn hóa – Thông tin cung cấp các biểu mẫu và thực hiện đánh giá Bộ chỉ số trên địa bàn.

Huyện đã ban hành Công văn số 199/UBND-VP về triển khai thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, trên địa bàn tỉnh An Giang.

Triển khai Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh An Giang và Ban hành Kế hoạch Công bố, công khai thông tin, tài liệu, số liệu của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện Phú Tân năm 2023.

Huyện đã giao phòng Văn hóa – Thông tin hướng dẫn thực hiện Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

Triển khai Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh An Giang về Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Triển khai Kế hoạch số 185/KH-UBND của UBND tỉnh An Giang và ban hành Kế hoạch số 742/KH-UBND ngày 28/3/2023 về hỗ trợ người dân chuẩn hóa thông tin thuê bao điện thoại di động thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đánh giá mức độ hoàn thiện chính quyền điện tử

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Thực hiện Kế hoạch hành động số 214/KH-UBND ngày 02/5/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Trên cơ sở Công văn số 451/STTTT-CNTT-BCVT ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về việc bổ sung hướng dẫn các chỉ tiêu đánh giá CQNN các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử; Hướng dẫn số 878/STTTT-CNTT-BCVT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về việc hướng dẫn xác định lộ trình thực hiện hoàn thiện chính quyền điện tử Ủy ban nhân dân cấp huyện; Công văn số 1525/STTTT-CNTT-BCVT ngày 27/12/2021 về việc hướng dẫn cách xác định và tự đánh giá chỉ tiêu CQNN các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 3511/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 về Lộ trình thực hiện hoàn thiện chính quyền điện tử trên địa bàn huyện Phú Tân. Đến thời điểm hiện tại, qua đánh giá kết quả thực hiện có 24/35 đơn vị, đạt 68,57% cơ quan đơn vị hoàn thiện Chính quyền điện tử.

3. Hạ tầng công nghệ thông tin

- Hiện trạng hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin: số lượng máy tính/tổng số CBCCVC, số lượng máy scan phục vụ số hóa hồ sơ, máy quét mã QR,...

Tổng số máy tính: 527 máy. Trong đó:

- Phòng chuyên môn: 143 máy. Tỷ lệ MT/CBCC đạt 100%.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện: 72 máy. Tỷ lệ MT/CBCC đạt 70%.

- UBND xã, thị trấn: 312 máy. Tỷ lệ MT/CBCC đạt 100%.

- Tỷ lệ mạng nội bộ (LAN), kết nối mạng internet băng rộng: 100%

Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) đã được triển khai tại Văn phòng HĐND&UBND và 18 xã, thị trấn hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn thông tin và tốc độ kết nối.

Mỗi đơn vị đều có trang bị máy tính soạn văn bản có tính mật.

Tỷ lệ máy tính có cài đặt phần mềm diệt Virus:

Tổng số máy tính	Phần mềm chống mã độc đang sử dụng cho máy	Tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm chống mã độc
527	- Kaspersky - Avast Free Antivirus - BKAV	41,93%

Hạ tầng CNTT cơ bản đảm bảo hoạt động của cơ quan nhà nước được thông suốt và an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Nhân lực CNTT:

Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về: báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Đơn vị được bố trí có 5 biên chế, hiện có mặt 04/05 biên chế, trong đó có 1 cán bộ phụ trách (chuyên ngành Điện tử - Viễn thông), 01 cán bộ chuyên ngành công tác tư tưởng, 01 cán bộ chuyên ngành Tài chính – Doanh nghiệp, 01 cán bộ chuyên ngành Kinh tế - Luật, đang thiếu 01 biên chế phụ trách CNTT.

UBND các xã, thị trấn đều có phân công công chức phụ trách kiêm nhiệm công nghệ thông tin.

Cử nhân sự tham gia bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn về ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT; tham dự diễn tập ứng cứu sự cố an toàn an ninh thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT tỉnh tổ chức 03 lớp tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ công chức các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã,

thị trấn về các nội dung nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, điện tử hóa quy trình xử lý văn bản điện tử; bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao nhận thức chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo UBND cấp xã do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Tổng số Chứng thư số được cấp/trên tổng số CBCC.

Đã trang bị 143 chứng thư số cho các các ban ngành, đoàn thể huyện, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn.

Đã cấp phát 165 chứng thư số cho các cá nhân là lãnh đạo và kế toán các đơn vị.

89,61% văn bản điện tử gửi nhận ứng dụng chữ ký số.

100% đơn vị sử dụng chữ ký số khai thuế và thực hiện các giao dịch với kho bạc.

- Tổng số CBCCVC đã đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và có tài khoản định danh điện tử mức 2.

- Khó khăn vướng mắc và đề xuất, kiến nghị:

+ Khó khăn vướng mắc:

Chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp cho một số đơn vị phát sinh lỗi hoặc đang gửi cấp đổi/ cấp lại nên việc ký số văn bản còn hạn chế.

Chữ ký số cá nhân của công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện, xã chưa được cấp phát.

+ Đề xuất, kiến nghị:

Xem xét, rà soát và đôn đốc việc cấp phát chữ ký số cá nhân của công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện, xã.

4. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan Nhà nước

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành:

Huyện chỉ đạo việc ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử vào xử lý công việc, sử dụng văn bản điện tử thay thế dần văn bản giấy trong quản lý, điều hành, trao đổi thông tin và giải quyết công việc được giao.

Việc sử dụng phần mềm iOffice đã đi vào nề nếp, ổn định. Các phòng chuyên môn huyện và các xã, thị trấn thực hiện tốt việc tiếp nhận và đăng ký văn bản đến trên phần mềm.

Tỷ lệ cập nhật văn bản đến đạt 100%.

Tỷ lệ Lãnh đạo kiểm soát, phê duyệt văn bản đi, đến trên phần mềm đạt 100%.

Việc phát hành văn bản đi trên phần mềm đạt 95.9%.

- Thư điện tử công vụ:

Thực hiện Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 09 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang; huyện đã triển khai rộng khắp trên địa bàn, quy định việc gửi nhận các loại văn bản.

Việc sử dụng email An Giang ở các đơn vị thực hiện khá tốt, các email tập thể và cá nhân thường xuyên được sử dụng trong việc trao đổi thông tin trong công việc.

Việc gửi nhận văn bản điện tử đạt 100% theo danh mục quy định phát hành văn bản điện tử không gửi văn bản giấy đến các đơn vị chưa ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng.

Tỷ lệ lãnh đạo sử dụng hệ thống email tỉnh đạt 100%.

Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp mail an giang:

- Cấp huyện: 100%. Cấp xã, thị trấn: 24,2% (lãnh đạo, CB tư pháp hộ tịch, CB kiểm soát TTHC, kế toán).

Huyện thường xuyên tiến hành rà soát lại các tài khoản email của các cá nhân, đơn vị, đề nghị Sở TTTT cấp mới, cấp lại mật khẩu và thu hồi tài khoản, đồng thời có thông báo đề nghị các đơn vị sử dụng hiệu quả email An Giang để đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ bí mật cơ quan, đơn vị.

+ Khó khăn, vướng mắc: không

+ Đề xuất, kiến nghị: không

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến;

Triển khai hoàn thiện Đề án Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn huyện Phú Tân giai đoạn 2021 – 2025, với phạm vi thực hiện: Phòng họp trực tuyến của huyện (Văn phòng HĐND&UBND huyện), Văn phòng Huyện ủy và điểm cầu cấp xã trên địa bàn huyện.

- **Hình thức đầu tư:** thuê dịch vụ

- **Tổng mức đầu tư:** 3.500.000.000 đồng

Trong năm 2022 đã thanh toán 668.595.200 đồng; trong năm 2023 dự kiến thanh toán 645.000.000 đồng.

Hàng năm UBND huyện phân bổ kinh phí để thực hiện Ứng dụng CNTT:

Trong đó:

+ Công TTĐT: 225.000.000đ

+ Công tác quản lý việc Ứng dụng CNTT: 60.000.000đ

- Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động tĩnh (LRIS):

+ Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của Sở thông tin và Truyền thông

+ Triển khai 100% đến các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện ;

+ Khó khăn, vướng mắc: không

+ Đề xuất, kiến nghị: không

- Trung tâm điều hành thông minh (IOC):

Triển khai thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC) huyện với hình thức thuê dịch vụ.

IOC huyện Phú Tân đã triển khai vận hành thử nghiệm và tổ chức Lễ ra mắt Trung tâm điều hành thông minh (IOC) huyện và Ban hành các Quyết định phục vụ vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC):

Quyết định số 4680/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung tâm giám sát điều hành thông minh huyện.

Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung tâm giám sát điều hành thông minh huyện.

Quyết định số 4682/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Trung tâm giám sát điều hành thông minh huyện.

Quyết định số 4683/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc Ban hành Quy chế tiếp nhận xử lý và phản hồi thông tin, yêu cầu, phản ánh kiến nghị của cá nhân tổ chức qua Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị huyện Phú Tân.

Với việc tích hợp thông tin, số liệu của nhiều lĩnh vực hoạt động được thể hiện trực quan, sinh động, Trung tâm IOC Phú Tân được kỳ vọng giúp lãnh đạo huyện có cái nhìn tổng quan toàn diện về mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội theo thời gian thực. Từ đó, đưa ra quyết định nhanh chóng, kịp thời, chuẩn xác, tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức trong quá trình giám sát, điều hành công việc. Thông qua Trung tâm IOC cũng sẽ giúp tăng tính tương tác giữa người dân với chính quyền, góp phần tăng cường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của chính quyền.

Trong công tác vận hành, hàng ngày Tổ giúp việc làm việc kiêm nhiệm và trực tuyến để theo dõi hoạt động, tiếp nhận điều phối các phản ánh kiến nghị đến các phòng, ban và các xã, thị trấn xử lý kịp thời. Đối với phân hệ phản ánh kiến nghị đã kết nối với IOC tỉnh tiếp nhận, xử lý và phúc đáp 16 trường hợp phản ánh kiến nghị.

Đối với phân hệ báo cáo Kinh tế - Xã hội (với các chỉ tiêu lĩnh vực như: Nông nghiệp, Kinh tế, Văn hóa xã hội, Lao động thương binh và Xã hội): Các đơn vị, địa phương nhập liệu số liệu thực hiện kinh tế - xã hội hàng Quý vào Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS) và tích hợp vào IOC huyện nhằm phục vụ việc theo dõi, đánh giá tình hình triển khai kinh tế - xã hội và phương hướng thực hiện trong thời gian tới trên địa bàn. Qua đó, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu của thời điểm để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương.

Phân hệ Văn bản điện tử được tích hợp với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh (iOffice). Qua đó, hàng ngày dữ liệu được tích hợp về IOC huyện để phục vụ cho Lãnh đạo huyện theo dõi, đánh giá tình hình văn bản đi, văn bản đến, duyệt văn bản đến và xử lý văn bản đến trễ hạn của các đơn vị.

Phân hệ Hành chính công được tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (iGate). Hàng ngày, dữ liệu được tích hợp về IOC huyện để phục vụ cho Lãnh đạo huyện theo dõi, đánh giá tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC và giám sát tiến độ giải quyết, số lượng hồ sơ TTHC trễ hạn của từng đơn vị, địa phương để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh.

Phân hệ Lĩnh vực Y tế được tích hợp với Hệ thống Chăm sóc sức khỏe thông minh (VNPT-HIS). Hàng ngày, dữ liệu được tích hợp về IOC huyện để phục vụ cho Lãnh đạo huyện theo dõi, đánh giá tình hình khám, chữa bệnh ở các tuyến huyện, xã; Số ca cấp cứu, số ca tử vong, số lượt khám chữa bệnh hàng ngày, số lượt khám bệnh ngoại trú,...

Phân hệ Lĩnh vực Giáo dục cập nhật định kỳ thông tin các trường, sĩ số học sinh huy động, số lượng giáo viên, số lượng trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ xếp loại học lực theo từng năm,... để phục vụ cho Lãnh đạo huyện theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động của lĩnh vực giáo dục.

Phân hệ Lĩnh vực Camera An ninh đã tích hợp camera an ninh của các xã, thị trấn. Qua đó, theo dõi, đánh giá tình hình an ninh trật tự trên địa bàn các xã, thị trấn.

Phân hệ Lĩnh vực Phản ánh kiến nghị kết nối với iOC tỉnh tiếp nhận, xử lý và phúc đáp quan các phản ánh kiến nghị của người dân đối với các lĩnh vực: An sinh xã hội và An ninh trật tự, y tế, giáo dục, hành chính công, môi trường,..... Qua đó, hỗ trợ tương tác giữa người dân và chính quyền: tiếp nhận tức thời phản ánh, kiến nghị của người dân.

Phân hệ Lĩnh vực Lắng nghe mạng xã hội, Phân hệ Lĩnh vực du lịch, Phân hệ Lĩnh vực lưu trú: đang phối hợp với các đơn vị, địa phương cập nhật dữ liệu đối với từng lĩnh vực.

+ Khó khăn, vướng mắc:

Cơ cấu tổ chức, bộ máy để vận hành đối với Trung tâm IOC chưa có hướng dẫn cụ thể; Tổ giúp việc kiêm nhiệm với nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên việc vận hành Trung tâm IOC đôi lúc chưa kịp thời; một vài lĩnh vực số liệu chưa được đầy đủ như lưu trú, Du lịch, Lắng nghe mạng xã hội.

Hệ thống camera an ninh ở một số xã, thị trấn được trang bị trước đây đã xuống cấp, hư hỏng khá nhiều và chưa được thay mới (do hư, không thể sửa chữa).

Hệ thống phản ánh kiến nghị mặc dù có thông tin, truyền thông trên các kênh thông tin nhưng người dân, doanh nghiệp chưa biết nhiều đến ứng dụng SmartAngiang nên số lượng phản ánh kiến nghị gửi về Trung tâm IOC chưa cao.

Việc cập nhật số liệu báo cáo kinh tế - xã hội chưa thống nhất, thường xuyên.

Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Trung tâm IOC có thực hiện nhưng sự quan tâm của người dân chưa nhiều.

+ Đề xuất, kiến nghị:

Hướng dẫn chính sách hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc trong việc vận hành Trung tâm IOC.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng từ các cấp để việc tương tác của người dân với chính quyền nhanh chóng, kịp thời; Đồng thời, người dân, doanh nghiệp biết và sử dụng các dịch vụ, tiện ích mà IOC mang lại.

- Các ứng dụng, dịch vụ khác.

5. Khó khăn, vướng mắc

- Hạ tầng CNTT trên địa bàn huyện tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế, nhiều thiết bị đã xuống cấp không đáp ứng nhu cầu xử lý công việc.

- Hiện nay chưa có quy định cụ thể đối với nhân sự chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước. Triển khai Chương trình chuyển đổi số, cấp cơ sở rất cần nhân sự tham mưu ứng dụng và phát triển CNTT, chính quyền điện tử tại cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, cấp huyện, xã chưa có công chức phụ trách chuyên ngành về công nghệ thông tin phân lớn là kiêm nhiệm dẫn đến việc triển khai thực hiện chưa mang lại hiệu quả. Mặt khác, chế độ, chính sách hỗ trợ chưa quy định nên chưa thu hút được nguồn nhân lực chuyên môn.

- Đa số cá nhân, tổ chức chưa thích ứng với sự thay đổi về chuyển đổi số và chưa có kỹ năng sử dụng các công cụ kỹ thuật số. Song song đó, thói quen và văn hóa sống của người dân cũng cần được thay đổi để phù hợp hơn với thời đại chuyển đổi số.

- Thủ trưởng một số đơn vị, địa phương còn chưa thật sự mạnh dạn đi đầu hay quyết tâm trong việc thực hiện chuyển đổi số.

6. Đề xuất, kiến nghị:

Giải pháp để có cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích nguồn nhân lực về công nghệ thông tin nhằm phục vụ công cuộc chuyển đổi số của tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và công tác xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương trên địa bàn huyện Phú Tân./.

Nơi nhận:

- Sở TT&TT
- TT.UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**